

TẬP ĐOÀN
BUU CHÍNH VIÊN THÔNG
VIỆT NAM
BỆNH VIỆN BUU ĐIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 340/BVBD-VTTBYT
V/v: gửi báo giá cung ứng
sản phẩm dinh dưỡng y học
cho người bệnh điều trị nội
trú tại Bệnh viện Bru điện

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Bru điện có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Bru điện

Số 49 phố Trần Điền, phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ tên: Đoàn Ngọc Long

- Chức vụ: Chuyên viên phòng Vật tư – TBYT

- SĐT: 0941 018 286

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ:

Tầng 6 - phòng Vật tư – TBYT, Bệnh viện Bru điện, Số 49 phố Trần Điền, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội.

(Gửi bản excel và scan báo giá ký người đại diện pháp luật vào email: vttbyt.bvbd01072013@gmail.com)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 20 tháng 11 năm 2025 đến trước 16h30 ngày 26 tháng 11 năm 2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: tối thiểu 720 ngày, kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2025

II. Nội dung yêu cầu báo giá theo Mẫu báo giá tại phụ lục đính kèm:

1. Danh mục sản phẩm dinh dưỡng y học cho người bệnh điều trị nội trú tại Bệnh viện Bru điện: *Chi tiết phụ lục 02 đính kèm.*

2. Địa điểm giao hàng:

Bệnh viện Bru điện, cơ sở 1: Số 49 phố Trần Điền, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội.

Bệnh viện Bru điện, cơ sở 2: Số 1 phố Yên Bái II, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 24 tháng kể từ ngày hợp đồng kinh tế có hiệu lực.



4. Thanh toán: Chuyển khoản 100% giá trị hóa đơn trong vòng 90 ngày kể từ ngày giao hàng và hóa đơn.

5. Các thông tin khác (nếu có).

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của các đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VTTBYT.

KT. GIÁM ĐỐC_{ph}
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Trường Giang

PHỤ LỤC 01
MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số: 3410 /BVBD-VTTBYT ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Bệnh viện Bưu điện)

TÊN ĐƠN VỊ BÁO GIÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Bưu điện

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Bưu điện, chúng tôi... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hàng hóa như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục Hàng hóa ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model ⁽³⁾	Hãng sản xuất ⁽⁴⁾	Mã HS ⁽⁵⁾	Năm sản xuất ⁽⁶⁾	Xuất xứ ⁽⁷⁾	Số lượng chính ^(8_1)	Số lượng tùy chọn mua thêm ^(8_2)	Đơn giá ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)	Mô tả tính năng kỹ thuật
1												
2												
3												
4												

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 720 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi ngàytháng....năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu trong đương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại hàng hóa theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục hàng hóa” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model của hàng hóa tương ứng với chủng loại hàng hóa ghi tại cột “Danh mục Hàng hóa”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể hãng sản xuất của hàng hóa tương ứng với chủng loại hàng hóa ghi tại cột “Danh mục Hàng hóa”.
- (5) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng hàng hóa.
- (6), (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của hàng hóa.
- (8_1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng chính nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8_2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng tùy chọn mua thêm nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng hàng hóa.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng hàng hóa hoặc toàn bộ hàng hóa. Đối với các hàng hóa nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của hàng hóa.

(11): Cách tính: $(11) = [(8_1) + (8_2)] * (9)$. Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng hàng hóa. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hàng hóa (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

PHỤ LỤC 02

Danh mục sản phẩm dinh dưỡng y học cho người bệnh điều trị nội trú tại Bệnh viện Bưu điện

(Kèm theo công văn số: 3410 /BVBD-VTTBYT ngày 20 tháng 11 năm 2025)

STT	Tên mời thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu về vùng lãnh thổ
1	Sản phẩm dinh dưỡng chuyên biệt cho người bệnh thận có Ure huyết tăng	Chai/Hộp/Lon	2.856	792	Sản phẩm dinh dưỡng chuyên biệt cho người bệnh thận có Ure huyết tăng Tiêu chuẩn kỹ thuật/ 100g bột: E(năng lượng): >410Kcal; P(Protein): >10,0g; L(Lipid): >17,0g; GI thấp, Natri <140mg, Kali< 260mg, MUFA <5,8g, FUFA <1.9g, chứa các acid amin thiết yếu, xuất xứ: Việt Nam, có số xác nhận công bố hoặc chứng nhận an toàn thực phẩm hoặc công bố chất lượng do cơ quan thẩm quyền cấp, hạn sử dụng: 24 tháng hộp 400g	Việt Nam
2	Thực phẩm dinh dưỡng y học dành cho bệnh gan	Chai/Hộp/Lon	696	168	Thực phẩm dinh dưỡng y học dành cho bệnh gan Tiêu chuẩn kỹ thuật tính trên 100gr: - Năng lượng: >400 kcal - Chất đạm (Protid): >14,5g - Chất béo (Lipid): >9,0g - Chất bột đường (Glucid): >67,0g, - Có Khoáng chất và Vitamin; - Chất béo PUFA (Chất béo không bão hoà nhiều nối đôi): <2,15g - Acid amin nhánh (BCAA – Branch Chain Amino Acid): <2,8g Bột pha uống, dung tích 400gr/lon	Việt Nam
3	Sữa nước năng lượng cao, đậm đặc, tăng cường đề kháng, dùng cho chế độ ăn đặc biệt	Chai/Hộp/Lon	6.000	1.800	Thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt Tiêu chuẩn kỹ thuật tính trên 100ml: - Năng lượng: >95kcal - Chất đạm (Protein): ≥3g - Chất béo (Lipid): ≥ 3,4g; - Chất bột đường (Carbohydrat): ≥ 10g; - Có khoáng chất và vitamin - MUFA: ≥ 1450 mg - PUFA: ≥ 350 mg - Sterol Esters thực vật: ≥ 60 mg - CaHMB: ≥ 12mg - Lactoferrin: ≥ 6mg - GABA: ≥ 5mg Dung tích: 237ml/lọ	Việt Nam
4	Sản phẩm dinh dưỡng năng lượng chuẩn có bổ sung Prebiotic	Chai/Hộp/Lon	2.500	-	Thực phẩm bổ sung dinh dưỡng hoàn chỉnh, năng lượng cao, hàm lượng protein cao với chất xơ và dầu cá. Cung cấp dinh dưỡng đa lượng đạm, chất béo, tinh bột, chất xơ và dinh dưỡng thiết yếu khác cho bệnh nhân lớn tuổi, mắc bệnh lý suy mòn mạn tính (ung thư, HIV/AIDS,...), bệnh nhân phẫu thuật, có chỉ định bổ sung dinh dưỡng qua đường tiêu hóa (trước và sau ghép tạng, bệnh viêm ruột). Tiêu chí kỹ thuật trên 100g bột sản phẩm: - Năng lượng: ≥1800 kJ/ ≥420 kcal; - Protein: ≥16,0g (15 kJ%) - Chất béo (30 kJ%) ≥14,0g [Trong đó: Acid béo không bão hòa đơn: ≥9,4g; Acid béo không bão hòa đa: ≥3,5g; Acid béo bão hòa: ≥1,1g] - Chất xơ: ≥4,0g (2 kJ%)	EU
5	Sữa nước dinh dưỡng y học năng lượng cao dành cho người bệnh đái tháo đường	Chai/Hộp/ Gói	2.200	-	Thực phẩm bổ sung dinh dưỡng đầy đủ, năng lượng cao, giàu protein, bổ sung chất xơ, Vitamin D. Dùng để kiểm soát chế độ ăn của bệnh nhân suy dinh dưỡng hoặc có nguy cơ suy dinh dưỡng do bệnh lý, đặc biệt trong trường hợp kém dung nạp Glucose. Tiêu chí kỹ thuật cơ bản: Tính trên 100ml - Năng lượng: ≥140 kcal (≥600 kJ); - Protein: ≥7,0 g; - Chất béo: ≤7,0 g [trong đó: Acid béo không bão hòa đơn: ≤3,8 g, Acid béo bão hòa: ≤1,7 g, Acid béo không bão hòa đa: ≤1,5 g, MCT: ≤1,2 g, EPA + DHA: ≤0,054 g, Cholesterol: ≤6 mg.]; - Chất xơ: ≥2 g; - Nước: 79g; - Khoáng chất, các nguyên tố vi lượng, Vitamins và các chất khác. Dung tích: 200ml/chai	EU
6	Sản phẩm dinh dưỡng dành cho bệnh thận mạn chưa lọc máu	Chai/Hộp/ Gói	1.000	-	Thực phẩm bổ sung dùng cho mục đích y tế đặc biệt. Dùng cho bệnh nhân có bệnh thận mạn tính hoặc các trường hợp dị hóa khi bị tổn thương thận cấp tính. Tiêu chí kỹ thuật cơ bản: Tính trên 100ml - Năng lượng: ≥190 kcal (≥830 kJ); - Protein: ≥9 g; - Chất béo: ≤8,7 g [trong đó Acid béo bão hòa: ≤2,7g; MCT: ≤2,2g; Acid béo không bão hòa đơn: ≤4,7g; Acid béo không bão hòa đa: ≤1,47g; EPA: ≤0,04g; DHA: ≤0,02g - Chất xơ: ≥1,2 g; - Gồm khoáng chất và Vitamins khác. Dung tích: 200ml/chai	EU

STT	Tên mời thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu về vùng lãnh thổ
7	Thực phẩm dinh dưỡng dạng bột năng lượng chuẩn, đậm đặc, có đạm whey thủy phân và béo MCT, chỉ số đường huyết thấp	Chai/Hộp/Lon	1.550	-	Tiêu chuẩn kỹ thuật /100g: Năng lượng: ≥ 450 kcal; chất đạm: $\geq 20,0$ g; Đạm whey thủy phân thành peptide: 100% trên tổng lượng chất đạm; Chất béo: ≥ 18 g; Chất tinh bột đường: ≥ 51 g; Chất béo chuỗi trung bình MCT (Medium Chain Triglyceride): $\leq 12,6$ g (70% trên tổng lượng chất béo); Chất béo PUFA (acid béo không bão hòa nhiều nối đôi): $\leq 1,4$ g; Chất béo MUFA (acid béo không bão hòa 1 nối đôi): $\leq 2,5$ g; Có khoáng chất và vitamin; Bột pha uống. Dung tích: 400gr/lon	Châu Âu
8	Thực phẩm bổ sung dinh dưỡng chuyên biệt, hỗ trợ kiểm soát đường huyết.	Chai/Hộp/Lon	1.924	528	Tiêu chuẩn kỹ thuật tính trên 100g: - Năng lượng: ≥ 420 kcal - Chất đạm: $\geq 19,0$ g - Chất béo: $\geq 16,0$ g - Chất béo PUFA (acid béo không bão hòa nhiều nối đôi): $\leq 3,78$ g - Chất béo MUFA (acid béo không bão hòa 1 nối đôi): $\leq 7,77$ g - GI (chỉ số đường huyết): $31 \pm 4,41$ Dạng bột pha uống Hộp 380 g	Đông Nam Á
9	Thực phẩm bổ sung dinh dưỡng chuyên biệt, hỗ trợ kiểm soát đường huyết.	Hộp/chai/lọ/túi	2.490	-	Tiêu chuẩn kỹ thuật tính trên 220 ml: Năng lượng ≥ 200 kcal; Chất đạm $\geq 10,0$ g; Chất béo $\leq 8,00$ g; MUFA $\leq 4,6$ g; PUFA $\leq 2,2$ g; Bột đường $\geq 20,00$ g; Chất xơ $\geq 4,1$ g; FOS : $\geq 1,0$ g; Inositol ≥ 803 mg ; GI (chỉ số đường huyết): $27 \pm 3,45$ - Thể tích 220ml - Dạng dung dịch đóng sẵn uống	EU
10	Thực phẩm dinh dưỡng chuẩn, dạng nước, năng lượng chuẩn có bổ sung HMB và YBG	Hộp/chai/lọ/túi	6.480	-	Là thực phẩm dinh dưỡng y học Tiêu chuẩn kỹ thuật /100ml Năng lượng: ≥ 110 kcal Chất đạm: ≥ 4 g Chất béo: < 4 g Carbohydrate: $\geq 14,5$ g Có bổ sung CaHMB/ HMB Quy cách đóng gói: Gói/hộp/túi/chai Thể tích: 237ml	G7
11	Thực phẩm dinh dưỡng chuẩn, dạng bột, năng lượng chuẩn có bổ sung HMB và YBG	Chai/Hộp/Lon	3.480	960	Là thực phẩm dinh dưỡng y học Tiêu chuẩn kỹ thuật /100g: Năng lượng: ≥ 400 kcal Chất đạm: ≥ 16 g Chất béo: < 15 g Có bổ sung CaHMB/ HMB Quy cách đóng gói: 380g/lon	Đông Nam Á
12	Sản phẩm dinh dưỡng y học dạng lỏng cung cấp đạm	Túi/gói	11.250	-	Là thực phẩm dinh dưỡng y học có nguồn protein lỏng cô đặc 20g/40ml. Sử dụng cho người suy dinh dưỡng liên quan đến bệnh, suy dinh dưỡng protein - năng lượng, suy nhược cơ thể, có vết thương, loét tỷ lệ, trước và sau phẫu thuật. - Thành phần: Nước, Collagen bò thủy phân, đạm whey phân lập (sữa),... - Tiêu chuẩn kỹ thuật /40ml: Năng lượng $\geq 335/80$ kJ/kcal; Đạm ≥ 20 g Chất béo $< 0,1$ g - Quy cách: 40ml/gói.	EU
13	Sản phẩm dinh dưỡng y học dạng lỏng cung cấp đạm hương vị trái cây nhiệt đới	Túi/gói	1.290	-	Là thực phẩm dinh dưỡng y học có nguồn protein lỏng cô đặc 20g/40ml. Sử dụng cho người suy dinh dưỡng liên quan đến bệnh, suy dinh dưỡng protein - năng lượng, suy nhược cơ thể, có vết thương, loét tỷ lệ, trước và sau phẫu thuật. - Thành phần: Nước, Collagen bò thủy phân, đạm whey phân lập (sữa),... - Tiêu chuẩn kỹ thuật /40ml: Năng lượng $\geq 335/80$ kJ/kcal; Đạm ≥ 20 g Chất béo $< 0,1$ g - Quy cách: 40ml/gói. - Hương vị trái cây nhiệt đới (Tropical)	EU

STT	Tên mời thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu về vùng lãnh thổ															
14	Thực phẩm dinh dưỡng y học năng lượng cao dành cho người đang hoặc có nguy cơ suy dinh dưỡng	Chai/Hộp/Lon	200	-	Là thực phẩm dinh dưỡng y học hoàn chỉnh và cân bằng. - Thành phần: 100% đạm Whey protein. ≥ 28 Vitamin và khoáng chất lượng quan trọng, bao gồm Vitamin D3. Hỗ trợ hệ miễn dịch, duy trì chức năng cơ và giúp xương, răng chắc khỏe. Acid béo thiết yếu: 4% năng lượng từ acid Linoleic và 0,8% năng lượng từ axit Alpha Linoleic. - Tiêu chuẩn kỹ thuật /100ml (sau hòa tan 23gram bột với 90ml nước): <table><tr><td>Năng lượng</td><td>$\geq 420/100$</td><td>kj/kcal;</td></tr><tr><td>Đạm</td><td>$\geq 5,1$</td><td>g</td></tr><tr><td>Chất xơ</td><td>$\geq 0,6$</td><td>g</td></tr><tr><td>Chất béo</td><td>$\geq 3,9$</td><td>g</td></tr><tr><td>Tinh bột</td><td>$\geq 11,3$</td><td>g</td></tr></table> - Quy cách đóng gói: ≥ 330gr bột/lọ	Năng lượng	$\geq 420/100$	kj/kcal;	Đạm	$\geq 5,1$	g	Chất xơ	$\geq 0,6$	g	Chất béo	$\geq 3,9$	g	Tinh bột	$\geq 11,3$	g	G7
Năng lượng	$\geq 420/100$	kj/kcal;																			
Đạm	$\geq 5,1$	g																			
Chất xơ	$\geq 0,6$	g																			
Chất béo	$\geq 3,9$	g																			
Tinh bột	$\geq 11,3$	g																			